

Bản án số: 313/2023/DS-PT

Ngày 27/6/2023

“V/v yêu cầu chia di sản
thừa kế; hủy GCNQSDĐ”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơm;

Các Thẩm phán:

Ông Chu Thành Quang;

Ông Phùng Hải Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hữu, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc “Yêu cầu chia di sản thừa kế, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2022/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh TH.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6820/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng B, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn Tây XV, xã HA, huyện H, tỉnh TH. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng C, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn Tây XV, xã HA, huyện H, tỉnh TH. Vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Lô 177 Dương ĐN, Đông BG, phường ĐT, thành phố TH, tỉnh TH (Văn bản ủy quyền ngày 15/9/2021). Vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh TH; địa chỉ: Phố DS, thị trấn BS, huyện H, tỉnh TH.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê TH - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị H - Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện H, tỉnh TH (Văn bản ủy quyền ngày 20/5/2023). Vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã HT, huyện H, tỉnh TH; địa chỉ: Thôn LH, xã HT, huyện H, tỉnh TH.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Co Đình V - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HT. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn Tây XV, xã HA, huyện H, tỉnh TH. Vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Lô 177 ĐDN, Đông BG, phường ĐT, thành phố TH, tỉnh TH (Văn bản ủy quyền ngày 15/9/2021). Vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa.

4. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958; Có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1958; Vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Trọng Ph, sinh năm 1961; Vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1962; Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Tây XV, xã HA, huyện H, tỉnh TH.

8. Ông Nguyễn Trọng S, sinh năm 1965; địa chỉ: Ấp PH, xã PT, huyện LD, BRVT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ông Nguyễn Trọng B trình bày (BL 29, BL 180):

Cụ Nguyễn Trọng L(chết năm 2014) và cụ Lê Thị L(chết năm 2013), có 07 người con chung gồm các ông, bà: Nguyễn Thị N, Nguyễn Trọng B, Nguyễn Trọng C, Nguyễn Trọng P, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị N, Nguyễn Trọng S.

Cụ L, Cụ LC có thửa đất tại Thôn Tây XV, xã HA, huyện H, tỉnh TH hiện nay vợ chồng Ông Nguyễn Trọng C đang sử dụng. Theo hồ sơ 299/TTg lập năm 1985 thuộc thửa đất số 367, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.745m² loại đất TC; theo hồ sơ địa chính lập năm 1996 thuộc thửa đất 282, tờ bản đồ số 09 diện tích là 2.430m² (đất ở là 430m², đất vườn là 2000m²). Đất có nguồn gốc do Cụ L, Cụ LC mua năm 1975 của ông Nguyễn Đức S và bà Nguyễn Thị P (đều đã chết). Sau khi ông C lập gia đình, hai cụ làm nhà cho ông C để vợ chồng ông C ở trên một phần đất, phần còn lại Cụ L, Cụ LC vẫn sử dụng và khai hoang mở rộng thêm diện tích.

Năm 2006, Cụ L lập di chúc, chia cho ông C 750m² đất đã xây nhà, cho con gái 100m², phần còn lại khoảng 1.400m² giao cho ông B. Việc lập di chúc có sự chứng kiến của các thành viên trong gia đình và những người làm chứng ở địa phương. Tuy nhiên, Ông Nguyễn Trọng C lại được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số V365391 ngày 26/6/2002 đối với toàn bộ thửa đất nêu trên. Khi biết sự việc, gia

đình gửi đơn đến UBND xã HT để giải quyết. Tại buổi hòa giải, các anh em thống nhất với nhau về việc chia di sản của bố mẹ để lại nhưng ông C không thực hiện.

Nay, ông B khởi kiện đề nghị phân chia di sản thừa kế của bố mẹ là thừa đất số 152, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.485m² tại thôn Tây XV, xã HT; chia cho ông C một nửa thừa đất, phần còn lại chia cho 06 anh em.

Ngày 21/10/2021, ông B đề nghị hủy GCNQSDĐ và tài sản gắn liền với đất do UBND huyện H cấp ngày 19/3/2020 cho Ông Nguyễn Trọng C và Bà Phạm Thị T.

Bị đơn là Ông Nguyễn Trọng C và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Về nguồn gốc thừa đất số 282: Tại biên bản hòa giải ngày 17/5/2019, ngày 18/3/2021 ông C trình bày: Thừa đất số 282, tờ bản đồ số 09 diện tích 2.430m² là do cụ Nguyễn Trọng Loa, cụ Lê Thị L(bố mẹ của ông B) cho ông và vợ ông là Bà Phạm Thị T để ở riêng từ năm 1975. Khi bố mẹ cho ông có một túp lều bé nằm trên đất và xung quanh toàn đồi núi rậm rạp, diện tích cho bao nhiêu ông không biết (BL 15, BL 36).

Quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông C trình bày: Thừa đất đang tranh chấp là do vợ chồng ông khai hoang để ở từ năm 1975 (sau khi kết hôn), khi vợ chồng ông ra ở khu đất này bố mẹ ông có cho vợ chồng một ít cây luồng và lá cọ để làm nhà ở. Từ năm 1975 đến nay, vợ chồng ông khai hoang thêm mới được như hiện nay. Vợ chồng ông C sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật từ bản đồ đo đạc đầu tiên tại xã HT. Trước đây trên đất có một khu nhà cấp bốn, sau nhà xuống cấp, vợ chồng ông C cùng các con góp tiền xây dựng khu nhà hai tầng kiên cố. Quá trình ông C xây nhà và sinh sống, Cụ L, cụ LC, ông B đều biết nhưng không ý kiến. Ngày 26/6/2002 ông C được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ lần đầu, năm 2020 ông và bà T được cấp đổi GCNQSDĐ (BL 175).

Hòa giải tại UBND xã, ông C đồng ý cho ông B, bà P và ông S mỗi người một lô đất, nhưng ông B không đồng ý mà đòi một nửa thừa đất nên ông không đồng ý thỏa thuận nữa. Ông C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B, vì thừa đất đó là của vợ chồng ông.

Ngày 02/12/2021 Ông Nguyễn Trọng C có yêu cầu phản tố, đề nghị hủy GCNQSDĐ số AL 824766 do UBND huyện H cấp ngày 30/01/2008, diện tích 235m² cho ông Nguyễn Trọng P, bà Dương Thị Hiền; chia di sản thừa kế là quyền sử dụng thừa đất nêu trên vì có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Trọng Loa, cụ Lê Thị L để lại. Tại Biên bản hòa giải ngày 01/4/2022 Ông Nguyễn Trọng C rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 14/10/2022, ông C đề nghị để giữ gìn tình cảm trong gia đình, nếu ông B rút đơn khởi kiện chia thừa kế, ông C sẽ để 250m² đất của vợ chồng ông (gồm 100m² đất ở và 150m² đất trồng cây lâu năm)

chia cho anh chị em đang yêu cầu ông chia thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

- Ủy ban nhân dân huyện H có ý kiến tại Văn bản số 2207/UBND-TNMT ngày 30/9/2022) (BL 169, BL 167, BL 102):

Thông tin về thửa đất đang tranh chấp:

- Hồ sơ 299/TTg xã HT, lập năm 1985: Thửa đất số 367, tờ bản đồ số 4, bản đồ 299/TTg xã HT, diện tích 1.745m²; loại đất thổ cư; chủ sử dụng Nguyễn Trọng C.

- Hồ sơ địa chính năm 1996: Thửa số 282, tờ bản đồ số 09, bản đồ địa chính xã HT, diện tích 2.430m²; trong đó đất ở 430m², đất vườn 2.000m²; chủ sử dụng Nguyễn Trọng C.

- Hồ sơ địa chính năm 2015: Thửa số 152, tờ bản đồ số 20, bản đồ địa chính xã HT, đo vẽ năm 2015, diện tích 2.485m², loại đất ONT, chủ sử dụng Nguyễn Trọng C.

- Theo GCNQSDĐ đã cấp: Số phát hành CV 227689, cấp ngày 19/3/2020, số vào sổ CH 03983, đối với thửa đất số 152, tờ số 20 (1965968-C), bản đồ địa chính xã HT, đo vẽ năm 2014, tỷ lệ 1/1000, diện tích 2.443,1m² đất ở tại nông thôn; Chủ sử dụng: Nguyễn Trọng C - Phạm Thị Tư.

Năm 2002, Ông Nguyễn Trọng C được cấp GCNQSDĐ đất số 297/QSDĐ/UBHH ngày 26/6/2002, diện tích 2.480,0m² (đất ở 400m², đất vườn 2.080,0m²).

Năm 2020, Ông Nguyễn Trọng C đề nghị cấp đổi và được cấp đổi GCNQSDĐ số CH 03983 ngày 19/03/2020, diện tích 2.443,1m² đất ở. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 1 Quyết định số 4655/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của UBND tỉnh TH sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về hạn mức giao đất ở, diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở, hạn mức công nhận đất ở và hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh TH ban hành kèm theo Quyết định số 4463/2014/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh, năm 2020 UBND xã HT lập, xác nhận hồ sơ đề nghị cấp đổi GCNQSDĐ cho ông (bà) Nguyễn Trọng C, Phạm Thị Tư trình UBND huyện cấp đổi với diện tích đất ở là 2443,1m² là chưa đúng theo quy định của pháp luật.

Như vậy, năm 2020 hộ ông (bà) Nguyễn Trọng C, Phạm Thị Tư được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ với diện tích đất ở 2.443,1m² là chưa đúng theo hạn mức đất ở quy định của UBND tỉnh TH.

- UBND xã HT: Không có ý kiến, không gửi tài liệu đến Tòa án.

- Các ông, bà: Nguyễn Trọng P, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị N trình bày (BL 177, BL 179):

Các ông, bà thống nhất với trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc, thông tin và quá trình sử dụng thửa đất và yêu cầu chia di sản thừa kế. Năm 1975, ông

C lập gia đình nên bố mẹ xây nhà cho ông C ở trên một phần đất, phần còn lại bố mẹ vẫn sử dụng và khai hoang mở rộng thêm diện tích. Các anh chị em thường xuyên hỗ trợ bố mẹ trồng cây, canh tác, sử dụng đất.

Năm 2006, bố mẹ lập một bản di chúc ủy quyền với nội dung chia cho ông C 750m² phần đất đã xây nhà, cho con gái một mảnh đất (chiều ngang 5m, chiều dài 20m), phần còn lại khoảng 1.400m² giao cho ông B, việc lập di chúc có sự chứng kiến của tất cả các thành viên trong gia đình và những người làm chứng cùng địa phương.

Sau khi hòa giải ở UBND xã, các ông, bà mới biết vợ chồng ông C đã được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất có nguồn gốc của bố mẹ. Tuy trên các hồ sơ địa chính không có tên của các cụ do có sai sót trong quá trình đo đạc, xác minh nguồn gốc đất, nhưng quá trình hòa giải tại xã và ở Trung tâm hòa giải đối thoại huyện H, tất cả anh chị em, gồm cả ông C đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất là của bố mẹ để lại, những người cao tuổi trong thôn đều biết về nguồn gốc đất. Các ông, bà đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông B, đề nghị Tòa án chấp nhận khởi kiện của ông B và phân chia di sản bằng hiện vật. Bà P đề nghị được chia đất vào phần ngôi nhà bà đã xây trước kia.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 14/10/2022, bà P trình bày bà đã xây nhà trên một phần diện tích đất và ở trên cùng thửa đất với ông C từ năm 1990 đến năm 2002 bà mua đất chỗ khác để làm nhà ở.

- Ông Nguyễn Trọng S trình bày: Khi còn sống bố mẹ ở với anh cả là Nguyễn Trọng B, hiện nay đất của bố mẹ để lại ông B đã bán để mua đất khác ở. Khi còn sống bố mẹ cũng đã chia cho ông Pha và ông, mỗi người một thửa đất để làm nhà ở, các ông đều đã được cấp GCNQSDĐ. Các anh em đều đã được bố mẹ phân chia đất và ở ổn định từ những năm 1975 đến nay. Về diện tích đất đang yêu cầu chia thừa kế, sau khi kết hôn năm 1975 vợ chồng ông C đã khai hoang khu đất còn mả để ở và sinh sống, hiện nay trên đất của ông C vẫn đang còn rất nhiều mả mả. Ông khẳng định không có việc bố mẹ cho đất vợ chồng ông C và bố mẹ cũng không ở chung với vợ chồng ông C ngày nào. Ông không đồng ý yêu cầu chia di sản thừa kế của ông B và các anh chị em khác trong gia đình, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 14/10/2022, ông S trình bày do ông ở xa, đi lại khó khăn nên ông đề nghị vắng mặt đối với các lần mở phiên tòa tiếp theo (BL 233, BL 235, BL 238).

- Bà Phạm Thị T trình bày: Bà kết hôn với ông C năm 1975 và cùng ông C sinh sống tại thửa đất từ đó đến nay và rất vất vả để khai hoang, dọn dẹp mả mả trên đất. Bà đồng ý với trình bày của ông C, đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi của vợ chồng bà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2022/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh TH quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Trọng B, cụ thể:

- Yêu cầu phân chia di sản thừa kế đối với toàn bộ thửa đất số 152, tờ bản đồ số 12, bản đồ đo đạc xã HT lập năm 2015, diện tích 2.485m² tại Thôn Tây XV, xã HA, huyện H, tỉnh TH.

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số: CV 227689, số vào sổ 03983 do UBND huyện H, tỉnh TH cấp ngày 19/3/2020 cho Ông Nguyễn Trọng C và Bà Phạm Thị T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo về quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/11/2022, nguyên đơn là Ông Nguyễn Trọng B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại cấp phúc thẩm, các bên đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới, nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, bị đơn vắng mặt, nên các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Không có cơ sở xác định Cụ L, Cụ LC nhận chuyển nhượng đất của ông S, bà P, thời điểm năm 1975 pháp luật cũng chưa cho phép cá nhân chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho nhau, nên việc nguyên đơn cho rằng do Cụ L, Cụ LC đã mua thửa đất nên thửa đất là di sản của Cụ L, Cụ LC để lại là không có cơ sở.

Mặt khác, căn cứ quy định của Luật đất đai, Bộ luật dân sự, Án lệ số: 03/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, nếu trên thực tế có việc Cụ L, Cụ LC mua lại khu đất của ông S, bà P, thì sau khi mua Cụ L, Cụ LC đã định đoạt cho ông C, bà T được sử dụng đất từ năm 1975 và không có tranh chấp gì đối với khu đất này; ông C, bà T đã sử dụng đất, xây nhà ở ổn định, thực hiện nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất từ bản đồ đo đạc đầu tiên của địa phương, nên thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông C, bà T, không phải là di sản Cụ L, Cụ LC để lại. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 2485m² tại thửa đất số 152, tờ bản đồ số 12 không có căn cứ chấp nhận. Quyết định bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Kháng cáo của Ông Nguyễn Trọng B đảm bảo đúng thời hạn và có đơn đề nghị được miễn tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là Ông Nguyễn Trọng C và đại diện theo ủy quyền; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Phạm Thị T và đại diện theo ủy quyền đều có đơn xin hoãn phiên tòa; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện H vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Trọng P vắng mặt không rõ lý do nhưng các đương sự đều đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai và không có kháng cáo. Các đương sự có mặt tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đều đề nghị tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử phúc thẩm thảo luận, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử.

[3] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất số 152, tờ bản đồ số 12, bản đồ năm 2015, diện tích 2.485m² tại Thôn Tây XV, xã HA, huyện H, tỉnh TH:

[3.1] Theo trình bày của các ông, bà: Nguyễn Thị N, Nguyễn Trọng B, Nguyễn Trọng P, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị N, Nguyễn Trọng S (và bị đơn Ông Nguyễn Trọng C tại Biên bản hòa giải tại UBND xã ngày 17/5/2019) thì thửa đất số 152, tờ bản đồ số 12, bản đồ năm 2015 (theo bản đồ bản đồ 299/TTg xã HT là thửa số 367, tờ bản đồ số 04) có nguồn gốc của bố mẹ là Cụ Nguyễn Trọng L(chết năm 2014) và cụ Lê Thị L(chết năm 2013). Tuy nhiên thực tế Cụ L, Cụ LC đã cho vợ chồng ông C quản lý, sử dụng đất từ khi vợ chồng ông C ở riêng. Vợ chồng Cụ L và Cụ LC không sinh sống tại thửa đất này.

[3.2] Nguyên đơn là Ông Nguyễn Trọng B khai rằng sau khi Cụ L, Cụ LC mua thửa đất này của cụ Nguyễn Đức S và cụ Nguyễn Thị Phái, hai cụ trồng cây và chỉ cho ông C làm nhà ở trên một phần đất, phần còn lại hai cụ vẫn tiếp tục sử dụng nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh.

[3.3] Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 14/11/2022, anh Nguyễn Văn N là con của ông Nguyễn Đức S và bà Nguyễn Thị P trình bày: Bố anh chết đã 22 năm, mẹ anh chết cách đây 02 năm. Anh sinh năm 1976 nên không biết việc mua bán đất của gia đình anh và Cụ L, Cụ LC như thế nào. Anh sống cùng bố mẹ ở thôn Đông Hải, xã HT, theo anh thì sau khi bán nhà đất cho Cụ L, Cụ LC bố mẹ anh chuyển đến thôn Đông Hải để ở, lớn lên anh có nghe mẹ anh nói mả ông bà anh vẫn nằm ở thửa đất của ông C, gia đình anh mới chuyển mả đi nơi khác cách đây khoảng 10 năm... Lời trình bày của người làm chứng là anh Nam phù hợp với lời làm chứng của ông Phạm Văn H (cán bộ địa chính xã HT), ông Nguyễn Đức N xác định đất thuộc khu vực còn mả, ít người qua lại và chỉ có vợ chồng con cái ông C sử dụng đất, xây dựng nhà ở, trồng cây trên đất (BL 185).

[3.4] Bị đơn là Ông Nguyễn Trọng C trình bày tại phiên tòa sơ thẩm:

Thửa đất trước kia là cồn mả ít người qua lại và không có người ở nên từ năm 1975 vợ chồng bị đơn đến làm nhà ở, sau đó khai hoang, tôn tạo, di dời mồ mả và được ghi nhận quyền sử dụng đất tại các thời kỳ đo đạc của địa phương. Việc bà P xây nhà trên đất là do ông C cho xây nhờ khi bà P chưa có chỗ ở, sau đó bà P đã xây nhà ở chỗ khác, bà P cũng thừa nhận năm 2002 bà mua đất chỗ khác để làm nhà ở.

[3.5] Về quá trình đăng ký kê khai quyền sử dụng thửa đất: Tại Hồ sơ 299/TTg lập năm 1985 là thửa số 367, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.745m², loại đất thổ cư, chủ sử dụng Nguyễn Trọng C. Tại Hồ sơ địa chính năm 1996 là thửa số 282, tờ bản đồ số 09, diện tích 2.430m² (trong đó đất ở 430m², đất vườn 2.000m²), chủ sử dụng Nguyễn Trọng C. Tại Hồ sơ địa chính năm 2015 là thửa số 152, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.485m², loại đất ONT, chủ sử dụng Nguyễn Trọng C. Ngày 26/6/2002 Ông Nguyễn Trọng C được cấp GCNQSDĐ diện tích 2.480m² (đất ở 400m², đất vườn 2.080m²). Ngày 19/3/2020, Ông Nguyễn Trọng C và Bà Phạm Thị T được cấp đổi GCNQSDĐ đối với thửa đất số 152, tờ số 20, diện tích 2.443,1m² đất ở tại nông thôn (BL 166, BL 163, BL 153, BL 147, BL 145, BL 133).

[4] Xét yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của Ông Nguyễn Trọng B:

[4.1] Từ lời khai của các đương sự, của người làm chứng và hồ sơ kê khai cấp GCNQSDĐ và ý kiến của UBND huyện H (tại Văn bản số 2207/UBND-TNMT ngày 30/9/2022) như đã phân tích tại đoạn [3.1], [3.2], [3.3], [3.4], [3.5] có cơ sở xác định ông C và bà T đã sử dụng thửa đất từ năm 1975, xây dựng nhà ở ổn định, đăng ký quyền sử dụng đất với cơ quan có thẩm quyền. Quá trình ông C, bà T sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất cho đến thời điểm Cụ L (chết năm 2014) và Cụ LC (chết năm 2013) và cả khi các cụ còn sống gần thửa đất nhưng không tranh chấp, không khiếu nại đối với thửa đất ông C, bà T sử dụng và không có tài liệu nào thể hiện các cụ đã thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng một phần hoặc toàn bộ diện tích của thửa đất nêu trên.

Vì vậy, căn cứ các quy định của Pháp luật đất đai và Án lệ số 03/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nếu có việc Cụ L, Cụ LC mua lại khu đất của ông S, bà P thì sau khi mua Cụ L và Cụ LC đã định đoạt cho ông C, bà T được sử dụng đất từ năm 1975 và không tranh chấp. Ông C, bà T đã sử dụng đất, xây nhà ở ổn định, thực hiện nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất từ bản đồ đo đạc đầu tiên của địa phương nên thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông C, bà T, không phải là di sản Cụ L và Cụ LC để lại. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 2.485m² tại thửa đất số 152, tờ bản đồ số 12 là không có căn cứ để chấp nhận.

[4.2] Đối với đề nghị của nguyên đơn về việc Cụ Nguyễn Trọng Lập *Bản di chúc ủy quyền đề ngày 18/02/2006* (BL 176) phân chia thửa đất ông C đang sử dụng cho các con, theo trình bày của ông B tại phiên tòa phúc thẩm thì ông Nguyễn Trọng Tư (cháu của Cụ L) là người viết hộ di chúc cho Cụ L, chữ ký Nguyễn Trọng Loa là do ông Tư viết và ông Tư có ký tên ở phần cuối bản di chúc; Trong khi ông Nguyễn Trọng P (BL 187) khai không ký tên và không biết

về bản di chúc, lãnh đạo địa phương thời kỳ này trình bày có tiếp nhận bản di chúc do gia đình Cụ L mang đến nhưng do di chúc lập không đúng nên đã chuyển cho cán bộ tư pháp hướng dẫn gia đình làm lại. Theo nội dung Bản di chúc lập năm 2006 thể hiện Cụ L phân chia diện tích 2.250m² đất cho các con trai, gái của cụ, nhưng ông C đã được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất từ năm 2002. Như vậy, cả hình thức và nội dung của *Bản di chúc ủy quyền đề ngày 18/02/2006* đều không phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự 2005 nên không hợp lệ.

[5] Về yêu cầu hủy GCNQSDĐ do UBND huyện H cấp ngày 19/3/2020, thửa đất số 152, tờ số 20 cho Ông Nguyễn Trọng C, Bà Phạm Thị T:

Như phân tích tại mục [3], [4] không có căn cứ để xác định diện tích đất nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế là di sản của Cụ L, Cụ LC nên yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn không được chấp nhận. Bị đơn đã được ghi nhận là chủ sử dụng đất tại Bản đồ 299/TTg, Bản đồ 1996, Bản đồ năm 2015 của địa phương, đã được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ năm 2002 và cấp đổi năm 2020 đối với thửa đất số 152, tờ bản đồ số 20 nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy GCNQSDĐ do UBND huyện H cấp cho Ông Nguyễn Trọng C và Bà Phạm Thị T thửa đất số 152, tờ số 20 tại Thôn Tây XV, xã HA, huyện H, tỉnh TH.

Theo Công văn số 2207/UBND-TNMT ngày 30/9/2022 của UBND huyện H: Năm 2020 hộ ông (bà) Nguyễn Trọng C, Phạm Thị Tư được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ với diện tích 2.443,1m² là chưa đúng hạn mức đất ở theo quy định của UBND tỉnh TH thì Ông Nguyễn Trọng C, Bà Phạm Thị T liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn, xác định hạn mức đất ở của ông bà theo quy định.

[6] Xét kháng cáo của nguyên đơn:

Nguyên đơn là Ông Nguyễn Trọng B kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm nhưng tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không xuất trình được tài liệu chứng cứ mới và nội dung kháng cáo của nguyên đơn đồng thời là nội dung khởi kiện nên không có căn cứ để cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Nguyễn Trọng B.

[7]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên lẽ ra Ông Nguyễn Trọng B phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, xét Ông Nguyễn Trọng B là người cao tuổi nên HĐXX phúc thẩm miễn án phí dân sự phúc thẩm cho Ông Nguyễn Trọng B theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Trọng B. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2022/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh TH.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho Ông Nguyễn Trọng B.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Chu Thành Quang

Phùng Hải Hiệp

Đặng Thị Thơm

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- Cục THADS tỉnh TH;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thơm